

Số: 85 /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 7 năm 2020

**KẾ HOẠCH**  
**Đón tiếp và làm việc với Đoàn công tác**  
**của Ủy ban về các vấn đề Xã hội của Quốc hội**

Thực hiện Nghị quyết số 2749/NQ-UBVĐXH ngày 01/7/2020 của Ủy ban về các vấn đề Xã hội của Quốc hội thành lập Đoàn giám sát “Kết quả 06 năm (năm 2015, giai đoạn 2016-2020) thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020”; Công văn số 2752/UBVĐXH ngày 02/7/2020 về việc Đoàn công tác làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi do đồng chí Nguyễn Hoàng Mai, Phó Chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề Xã hội của Quốc hội làm Trưởng đoàn; tiếp theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3037/UBND-KGVX ngày 07/7/2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đón tiếp và làm việc với Đoàn công tác như sau:

**I. Thời gian Đoàn đến Quảng Ngãi và Kế hoạch làm việc**

**1. Ngày 15/7/2020 (Thứ 4)**

**a) Buổi sáng: Đón và mời cơm trưa Đoàn công tác**

- Thời gian: Dự kiến Đoàn từ tỉnh Phú Yên đến Quảng Ngãi vào lúc 11 giờ 00 phút.

- Địa điểm: Đoàn nghỉ tại Khách sạn Central, 01 Lê Lợi, thành phố Quảng Ngãi.

- Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội liên hệ đón tiếp Đoàn và bố trí ăn, nghỉ tại Khách sạn Central; đồng thời, chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ Đoàn trong thời gian làm việc tại tỉnh.

**b) Mời cơm trưa Đoàn công tác:** Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện.

**c) Buổi chiều: Đoàn công tác làm việc với Sở Y tế**

- Thời gian: Bắt đầu vào lúc 14 giờ 00 phút.

- Địa điểm: Tại trụ sở, Sở Y tế.

- Thành phần ở tỉnh:

+ Mời: Đại diện Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Lao động-Thương

binh và Xã hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh, Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh.

+ Phóng viên: Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi.

- *Nội dung làm việc*: Khảo sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

- *Chuẩn bị nội dung*: Sở Y tế chuẩn bị báo cáo theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3037/UBND-KGVX ngày 07/7/2020 (*đề cương kèm theo*).

**d) Mời cơm tối Đoàn công tác**

- *Thời gian*: Vào lúc 18 giờ 30 phút.

- *Địa điểm*: Tại Khách sạn Central, 01 Lê Lợi, thành phố Quảng Ngãi.

- *Thành phần*:

+ Đại diện Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh;

+ Thành phần làm việc với Sở Y tế.

- *Chuẩn bị*: Giao Sở Y tế chuẩn bị để lãnh đạo tỉnh tiếp cơm Đoàn.

**2. Ngày 16/7/2020 (thứ 5)**

**a) Buổi sáng: Đoàn công tác làm việc tại UBND xã Long Mai, huyện Minh Long**

- *Thời gian*: Bắt đầu vào lúc 08 giờ 00 phút.

- *Địa điểm*: Tại trụ sở UBND xã Long Mai.

- *Thành phần ở tỉnh*:

+ Mời: Đại diện Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Kho bạc Nhà nước tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo: UBND huyện Minh Long, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Trung tâm Y tế, Chi cục thuế, Ngân hàng Chính sách xã hội, Kho bạc Nhà nước huyện Minh Long (*giao UBND huyện Minh Long mời*);

+ Đại diện lãnh đạo: UBND xã, Trạm Y tế xã và các thành phần có liên quan của xã Long Mai (*giao UBND xã Long Mai mời*);

+ Phóng viên: Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi.

- *Nội dung làm việc:*

+ Theo nội dung Công văn số 2752/UBNDXH ngày 02/7/2020 của Ủy ban về các vấn đề Xã hội của Quốc hội;

+ Trao quà cho 05 gia đình, đối tượng thương binh, liệt sỹ.

- *Chuẩn bị nội dung:* UBND huyện Minh Long chỉ đạo UBND xã Long Mai chuẩn bị nội dung, xây dựng báo cáo (*đề cương kèm theo*); đồng thời chọn và mời 05 gia đình, đối tượng thương binh, liệt sỹ đến trụ sở UBND xã Long Mai để nhận quà tặng của Đoàn công tác.

- *Mời cơm trưa Đoàn công tác:* Giao UBND huyện Minh Long chuẩn bị.

**b) Buổi chiều: Đoàn công tác làm việc với UBND huyện Minh Long**

- *Thời gian:* Bắt đầu vào lúc 14 giờ 00 phút.

- *Địa điểm:* Tại trụ sở UBND huyện Minh Long.

- *Thành phần ở tỉnh:*

+ Mời: Đại diện Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Kho bạc Nhà nước tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo: UBND huyện Minh Long, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, Trung tâm Y tế, Chi cục thuế, Ngân hàng Chính sách xã hội, Kho bạc huyện Minh Long (*giao UBND huyện Minh Long mời*).

+ Phóng viên: Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi;

- *Nội dung làm việc:* Theo nội dung Công văn số 2752/UBNDXH ngày 02/7/2020 của Ủy ban về các vấn đề Xã hội của Quốc hội.

- *Chuẩn bị nội dung làm việc:* UBND huyện Minh Long chuẩn bị nội dung, xây dựng báo cáo (*đề cương kèm theo*).

**c) Mời cơm tối Đoàn công tác**

- *Thời gian:* Vào lúc 18 giờ 30 phút.

- *Địa điểm:* Khách sạn Central, 01 Lê Lợi, thành phố Quảng Ngãi.

- *Thành phần ở tỉnh:*

+ Đại diện lãnh đạo UBND tỉnh;

+ Mời: Đại diện Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo sở, ngành: Y tế, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội

tỉnh, Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Kho bạc Nhà nước tỉnh;

- Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện.

### **3. Ngày 17/7/2020 (thứ 6)**

#### **a) Mời điểm tâm sáng Đoàn**

- Thời gian: Vào lúc 06 giờ 30 phút.

- Địa điểm: Khách sạn Central, 01 Lê Lợi, thành phố Quảng Ngãi.

- Thành phần ở tỉnh:

Đại diện lãnh đạo: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh.

#### **b) Đoàn làm việc với UBND tỉnh**

- Thời gian: Vào lúc 08 giờ 00 phút.

- Địa điểm: Tại phòng họp số 2-UBND tỉnh.

- Thành phần ở tỉnh:

+ Mời đại diện: Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh;

+ Đồng chí Đặng Ngọc Dũng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo sở, ngành: Y tế, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội-Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh.

+ Phóng viên: Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi;

+ VPUB: PCVP (VX, KT), các Phòng: KT, KGVX; CBTH.

- Nội dung làm việc:

+ Kết quả 06 năm (năm 2015, giai đoạn 2016-2020) thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

+ Việc thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh;

- Chuẩn bị nội dung: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Y tế chuẩn bị nội dung báo cáo theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3037/UBND-KGVX ngày 07/7/2020.

**c) Mời cơm trưa và tiền Đoàn rời Quảng Ngãi**

Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh tiếp cơm trưa Đoàn và tiền Đoàn rời Quảng Ngãi.

**II. Tổ chức thực hiện**

1. Các Sở: Lao động-Thương binh và Xã hội, Y tế triển khai thực hiện và chuẩn bị nội dung báo cáo theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3037/UBND-KGVX ngày 07/7/2020 và nội dung tại Kế hoạch này.

2. UBND huyện Minh Long thực hiện và chỉ đạo UBND xã Long Mai chuẩn bị nội dung báo cáo và các điều kiện cần thiết khác để Đoàn công tác làm việc trực tiếp tại địa phương được thuận lợi, chu đáo.

3. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp kinh phí, gửi Sở Tài chính thẩm tra để làm cơ sở thực hiện và thanh, quyết toán theo đúng quy định.

*(Kế hoạch này thay cho Giấy mời).*

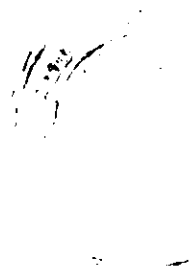
**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội-Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh;
- Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh;
- UBND huyện Minh Long;
- UBND xã Long Mai, huyện Minh Long;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP(VX, KT), KT, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX<sub>lmc345</sub>.

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Trương Minh Sang**



## **ĐỀ CƯƠNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI ĐỊA PHƯƠNG**

**Kết quả 6 năm (năm 2015 và giai đoạn 2016-2020)  
thực hiện Nghị quyết 76/2014/QH13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu  
giảm nghèo bền vững đến năm 2020**

Đoàn giám sát đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ các quy định của Nghị quyết 76/2014/QH13 (Nghị quyết 76), Quyết định 2324/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 (Quyết định 2324) và các văn bản có liên quan để xây dựng Báo cáo kết quả 6 năm thực hiện Nghị quyết 76 thuộc phạm vi trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tập trung vào các nội dung trọng tâm sau:

### **I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ Nghị quyết 76, Quyết định 2324**

1. Việc xây dựng, ban hành chính sách của riêng địa phương để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. (Phụ lục)

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo tại địa phương năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020.

3. Việc phân bổ nguồn lực thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương.

- Những chính sách nào được lựa chọn để ưu tiên phân bổ.

- Đánh giá việc sử dụng tính hợp lý, hiệu quả của nguồn lực; bảo đảm lồng ghép chính sách và nguồn lực có hiệu quả.

4. Kết quả thúc đẩy việc kết nối phát triển kinh tế - xã hội giữa vùng khó khăn với vùng phát triển tại địa phương.

5. Kết quả thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, hỗ trợ thị trường phù hợp đặc điểm vùng nhằm thu hút doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và cơ sở hạ tầng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, nâng cao khả năng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tại các địa bàn nghèo, địa bàn khó khăn, địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Việc kết hợp chặt chẽ giữa chính sách giảm nghèo với phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh.

7. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo.

8. Kết quả thực hiện tăng nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; điều chỉnh đối tượng, mức vay, lãi suất, thời hạn cho vay phù hợp gắn với chính sách khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyên giao khoa học kỹ thuật, xây dựng, nhân rộng mô hình thoát nghèo gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn.

9. Kết quả thực hiện ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, huyện nghèo, xã nghèo, xã biên giới, xã an toàn khu, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo.

10. Kết quả giải quyết tình trạng hộ đồng bào dân tộc thiểu số không có đất ở và giải quyết đất sản xuất hoặc chuyển đổi nghề cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn đang thiếu đất sản xuất.

11. Kết quả thực hiện kết hợp đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa được hỗ trợ đất sản xuất, đồng thời có chính sách giải quyết tình trạng di dân không theo quy hoạch ở một số địa phương.

12. Kết quả thực hiện nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và tỷ lệ đào tạo nghề khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số; duy trì các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; nâng cao tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn; phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú với quy mô phù hợp; kết quả công tác đào tạo cử tuyển gắn với sử dụng.

13. Kết quả thực hiện chỉ tiêu ít nhất 90% hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế; 70% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, trên 90% trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; điều chỉnh cơ cấu đầu tư cho lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và chính sách bảo hiểm y tế để bảo đảm tăng cơ hội tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, người cận nghèo.

14. Kết quả việc thực hiện phân công, phân cấp thực hiện chính sách giảm nghèo; cải cách thủ tục hành chính và phương thức để người dân, cộng đồng tham gia và tiếp cận chính sách giảm nghèo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức tự vươn lên thoát nghèo.

15. Đánh giá thực tiễn áp dụng chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều; tính khả thi, tính phù hợp, tính hiệu quả của các chiều và chỉ số trong đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh và thông tin).



16. Về công tác quản lý, điều hành thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương

- Về xây dựng các giải pháp, mô hình giảm nghèo phù hợp với từng địa bàn của địa phương.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

- Về phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong thực hiện chính sách giảm nghèo.

- Về nâng cao năng lực chính quyền cơ sở và cán bộ trực tiếp làm công tác giảm nghèo.

**II. Những tồn tại, hạn chế**

**III. Đánh giá chung, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

**IV. Đề xuất, kiến nghị việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2030.**

*Phụ lục*

**TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐẶC THÙ CỦA ĐỊA PHƯƠNG(Theo nhóm chính sách<sup>1</sup>)**

---

<sup>1</sup> Tổng hợp theo nhóm chính sách, ví dụ: nhóm chính sách chi đạo chung, nhóm chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở.v.v...

**ĐỀ CƯƠNG**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**  
**NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19**  
(Theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020  
của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện  
các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19)

*(Nội dung báo cáo của UBND cấp tỉnh/huyện)*

## **I. TÌNH HÌNH CHUNG**

- Tình hình, diễn biến dịch bệnh Covid tại địa phương (số ca nhiễm, số điều trị tập trung).

- Đánh giá chung về ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương**

- Đánh giá về điều kiện hỗ trợ.

- Đánh giá về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện.

- Kết quả thực hiện.

- Khó khăn và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện.

**2. Hỗ trợ hộ kinh doanh**

- Đánh giá về điều kiện hỗ trợ.

- Đánh giá về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện.

- Kết quả thực hiện.

- Khó khăn và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện.

**3. Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp**

- Đánh giá về điều kiện hỗ trợ.

- Đánh giá về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện.

- Kết quả thực hiện.

- Khó khăn và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện.

**4. Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm**

- Đánh giá về điều kiện hỗ trợ.

- Đánh giá về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện.

- Kết quả thực hiện.
- Khó khăn và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện.

**5. Hỗ trợ người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội**

- Kết quả thực hiện.
- Khó khăn và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện.

**6. Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động**

- Đánh giá về điều kiện vay vốn.
- Đánh giá về hồ sơ, thủ tục xác nhận, phê duyệt người sử dụng lao động đủ điều kiện được vay vốn.

- Kết quả thực hiện.
- Khó khăn và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện.

**II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

- Kết quả thực hiện: số lượng đối tượng đề nghị hỗ trợ, số lượng có quyết định hỗ trợ (phụ lục 1).

- Đánh giá việc rà soát, xác định các đối tượng nhận hỗ trợ.
- Tồn tại, hạn chế.
- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

**III. KIẾN NGHỊ**

1. Về chính sách.
2. Về cơ chế phối hợp.
3. Về tổ chức thực hiện.
4. Những kiến nghị khác.

**PHỤ LỤC 1. SỐ LƯỢNG CÁC ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ  
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN/ HUYỆN;  
TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

TT	Đối tượng	Số lượng đề nghị hỗ trợ	Số lượng có quyết định hỗ trợ	Số tiền đã thực hiện hỗ trợ
1	Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương			
2	Hộ kinh doanh			
3	Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp			
4	Người lao động không giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm			
5	Người có công với cách mạng			
6	Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo			
7	Đối tượng bảo trợ xã hội			
8	Người sử dụng lao động được hỗ trợ vay vốn để trả lương ngừng việc			

**ĐỀ CƯƠNG**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**  
**NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19**  
 (Theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020  
 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện  
 các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19)

*(Nội dung báo cáo của UBND cấp xã)*

### **I. TÌNH HÌNH CHUNG**

- Tình hình, diễn biến dịch bệnh Covid tại địa phương (số ca nhiễm, số điều trị tập trung).

- Đánh giá chung về ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn.

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Hỗ trợ hộ kinh doanh**

- Đánh giá về điều kiện hỗ trợ.

- Đánh giá về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện.

- Kết quả thực hiện.

- Khó khăn và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện.

#### **2. Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp**

- Đánh giá về điều kiện hỗ trợ.

- Đánh giá về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện.

- Kết quả thực hiện.

- Khó khăn và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện.

#### **3. Hỗ trợ người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội**

- Kết quả thực hiện.

- Khó khăn và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện.

### **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

- Kết quả thực hiện: số lượng đối tượng đề nghị hỗ trợ, số lượng có quyết định hỗ trợ (phụ lục 2).

- Đánh giá việc rà soát, xác định các đối tượng nhận hỗ trợ.

- Tồn tại, hạn chế.

- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

### **III. KIẾN NGHỊ**

1. Về chính sách.

2. Về cơ chế phối hợp.

3. Về tổ chức thực hiện.

## 4. Những kiến nghị khác.

**PHỤ LỤC 2. SỐ LƯỢNG CÁC ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ  
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

<b>TT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Số lượng đề nghị hỗ trợ</b>	<b>Số lượng có quyết định hỗ trợ</b>	<b>Số tiền đã thực hiện hỗ trợ</b>
1	Hộ kinh doanh			
2	Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp			
3	Người lao động không giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm			
4	Người có công với cách mạng			
5	Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo			
6	Đối tượng bảo trợ xã hội			

